

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
đã được soát xét

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011.

Khái quát

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014976 ngày 08 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 04 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 03 năm 2008, thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mới số 0102111943 thay đổi lần 5 ngày 26 tháng 05 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và vật tư thiết bị, nguyên vật liệu ngành bia, rượu, nước giải khát;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai;
- Kinh doanh phụ phẩm trong sản xuất bia, bao gồm: bã bia;
- Kinh doanh phế liệu, phế phẩm sau quá trình sản xuất bia;
- Kinh doanh nông lâm sản nguyên liệu (trừ lâm sản nhà nước cấm);
- Kinh doanh thực phẩm tươi sống và chế biến;
- Sản xuất bia rượu, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm);
- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh và cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kho tàng, bến bãi;
- Dịch vụ tư vấn dự án đầu tư xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)/.

Trụ sở chính của Công ty tại 183 Hoàng Hoa Thám, P.Ngọc Hà, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vương Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đinh Lê Anh	Thành viên
Ông Phạm Việt Dũng	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Hùng	Giám đốc
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Chung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Bình	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Hùng

Giám đốc

Hà Nội, Ngày 12 tháng 07 năm 2011

Số : 220 /BCSX/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội được lập ngày 12/07/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 kèm theo được trình bày từ trang 5 đến trang 21. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội tại ngày 30/06/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Lan
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

Nguyễn Thị Cúc
Chứng chỉ KTV số: 0700/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.501.734.410	32.062.040.352
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.903.199.379	24.716.526.953
1. Tiền	111		13.003.199.379	4.716.526.953
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.900.000.000	20.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.280.212.859	3.958.252.201
1. Phải thu khách hàng	131		422.374.859	3.662.533.201
2. Trả trước cho người bán	132		5.795.844.000	233.725.000
3. Các khoản phải thu khác	135		61.994.000	61.994.000
IV. Hàng tồn kho	140		892.371.734	1.592.414.234
1. Hàng tồn kho	141	V.2	892.371.734	1.592.414.234
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		425.950.438	1.794.846.964
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		327.678.835	1.698.312.526
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.3	8.071.603	78.034.438
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		90.200.000	18.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.716.808.591	52.452.917.545
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		30.214.849.518	31.454.477.901
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	30.214.849.518	31.453.901.005
- Nguyên giá	222		38.468.933.652	37.877.426.652
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.254.084.134)	(6.423.525.647)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	-	576.896
- Nguyên giá	228		155.032.400	155.032.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(155.032.400)	(154.455.504)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.6	7.500.000.000	7.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.500.000.000	7.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.001.959.073	13.498.439.644
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	12.001.959.073	13.498.439.644
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		90.218.543.001	84.514.957.897

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.174.226.300	17.207.541.455
I. Nợ ngắn hạn	310		22.088.601.860	17.119.529.915
1. Phải trả người bán	312		240.015.291	547.486.099
2. Người mua trả tiền trước	313		1.187.907.000	718.282.009
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	4.126.191.558	2.319.289.538
4. Phải trả người lao động	315		1.477.080.291	1.509.836.419
5. Chi phí phải trả	316		72.379.500	126.984.793
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.9	15.058.527.729	11.875.901.989
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(73.499.509)	21.749.068
II. Nợ dài hạn	330		85.624.440	88.011.540
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		85.624.440	88.011.540
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.044.316.701	67.307.416.442
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	68.044.316.701	67.307.416.442
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		31.230.000.000	31.230.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		23.487.716.410	18.993.082.835
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.122.999.999	3.122.999.999
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.203.600.292	13.961.333.608
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		90.218.543.001	84.514.957.897

Kế toán trưởng

Giám đốc

Mai Phương Liên

Nguyễn Văn Hùng

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	145.798.200.398	156.000.820.078
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		145.798.200.398	156.000.820.078
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	120.699.754.992	135.143.879.411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.098.445.406	20.856.940.667
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.451.822.119	1.693.144.423
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		11.634.783.940	11.488.978.128
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.388.770.468	832.616.210
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.526.713.117	10.228.490.752
11. Thu nhập khác	31		78.087.272	1.072.147.273
12. Chi phí khác	32		-	305.569
13. Lợi nhuận khác	40		78.087.272	1.071.841.704
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.604.800.389	11.300.332.456
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.4	3.401.200.097	2.600.083.114
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.203.600.292	8.700.249.342
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	3.267	2.786

Kế toán trưởng

Giám đốc

Mai Phương Liên

Nguyễn Văn Hùng

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			13.604.800.389	11.300.332.456
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.831.135.383	1.292.743.578
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.451.822.119)	(1.693.144.423)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.984.113.653	10.899.931.611
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.323.697.823)	(12.553.094.868)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		700.042.500	(726.174.767)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.826.688.838	12.639.741.409
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.867.114.262	4.059.715.485
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.983.973.013)	(1.273.998.783)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.754.448.610)	(1.512.755.681)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.315.839.807	11.533.364.406
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(591.507.000)	(1.542.842.565)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.451.822.119	1.693.144.423
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		860.315.119	150.301.858

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.989.482.500)	(7.807.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.989.482.500)	(7.807.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		8.186.672.426	3.876.166.264
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24.716.526.953	24.796.668.947
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		32.903.199.379	28.672.835.211

Kế toán trưởng

Giám đốc

Mai Phương Liên

Nguyễn Văn Hùng

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014976 ngày 08 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 04 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 02 ngày 12 tháng 03 năm 2008, thay đổi lần 03 ngày 08 tháng 05 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mới số 0102111943 thay đổi lần 5 ngày 26 tháng 05 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại 183 Hoàng Hoa Thám, P.Ngọc Hà, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và vật tư thiết bị, nguyên vật liệu ngành bia, rượu, nước giải khát;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai;
- Kinh doanh phụ phẩm trong sản xuất bia, bao gồm: bã bia;
- Kinh doanh phế liệu, phế phẩm sau quá trình sản xuất bia;
- Kinh doanh nông lâm sản nguyên liệu (trừ lâm sản nhà nước cấm);
- Kinh doanh thực phẩm tươi sống và chế biến;
- Sản xuất bia rượu, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm);
- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh và cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kho tàng, bến bãi;
- Dịch vụ tư vấn dự án đầu tư xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)/.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp Bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao ước tính như sau

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	5 năm
- Phương tiện vận tải	6 năm
- Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	3 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông. Cổ tức có thể được ứng trước cho cổ đông, nhưng chỉ được chi phần còn lại khi đã được Đại hội cổ đông phê duyệt trong Đại hội cổ đông thường niên hàng năm

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn..

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	458.594.282	110.300.712
Tiền gửi ngân hàng	12.544.605.097	4.606.226.241
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	19.900.000.000	20.000.000.000
Cộng	32.903.199.379	24.716.526.953

2. Hàng tồn kho

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.282.928	9.282.928
Công cụ, dụng cụ	715.320.185	1.053.772.315
Hàng hoá	167.768.621	529.358.991
Cộng giá gốc hàng tồn kho	892.371.734	1.592.414.234
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	892.371.734	1.592.414.234

3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	8.071.603	78.034.438
Cộng	8.071.603	78.034.438

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý
Nguyên giá				Tổng cộng
Số dư đầu năm	22.818.160.862	6.867.930.809	7.719.176.900	472.158.081
Số tăng trong kỳ	-	-	591.507.000	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	22.818.160.862	6.867.930.809	8.310.683.900	472.158.081
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	912.726.444	2.550.762.892	2.639.003.499	321.032.812
Số tăng trong kỳ	456.363.222	686.793.126	653.693.899	33.708.240
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.369.089.666	3.237.556.018	3.292.697.398	354.741.052
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	21.905.434.418	4.317.167.917	5.080.173.401	151.125.269
Tại ngày cuối kỳ	21.449.071.196	3.630.374.791	5.017.986.502	117.417.029

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND***Phần mềm
máy tính**

Nguyên giá	
Số dư đầu năm	155.032.400
Số tăng trong kỳ	-
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	155.032.400
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	154.455.504
Số tăng trong kỳ	576.896
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	155.032.400
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	576.896
Tại ngày cuối kỳ	-

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	7.500.000.000	7.500.000.000
Cộng	7.500.000.000	7.500.000.000

Đây là khoản tiền đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng yên 89. Trụ sở tại Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội chiếm 25% vốn điều lệ.

7. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chưa phân bổ	4.381.637.444	6.233.162.094
Tiền thuê đất (*)	7.042.447.229	7.121.575.850
Chi phí sửa chữa, xây dựng tài sản	470.098.125	-
Chi phí khác	107.776.275	143.701.700
Cộng	12.001.959.073	13.498.439.644

(*) Tiền thuê đất chưa phân bổ theo hợp đồng thuê đất số 28/HĐTLĐ-HT ngày 31/07/2008 và Phụ lục số 01/PLHĐ-HT ngày 18/01/2010 thời gian thuê 46 năm.

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	724.991.461	335.316.525
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.401.200.097	1.983.973.013
Cộng	4.126.191.558	2.319.289.538

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**9. Chi phí phải trả**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	72.379.500	126.984.793
Cộng	72.379.500	126.984.793

10. Các khoản phải trả phải nộp khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	22.740.000	44.731.600
Bảo hiểm xã hội	490.015	277.076
Phải trả tiền cược của khách hàng	12.964.350.000	10.759.300.000
Phải trả tiền bảo quản thùng của khách hàng	329.500.000	329.500.000
Cổ tức phải trả	1.456.483.118	638.465.618
Các khoản phải trả, phải nộp khác	284.964.596	103.627.695
Cộng	15.058.527.729	11.875.901.989

11. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	31.230.000.000	10.766.325.513	2.994.011.652	18.271.245.669
Tăng vốn trong năm				14.293.333.608
Lãi trong năm				
Phân phối lợi nhuận năm trước				
- Trích quỹ từ lợi nhuận 2009		8.226.757.322	128.988.347	(9.923.745.669)
- Chia cổ tức 2009				(7.807.500.000)
- Thưởng ban quản lý 2009				(360.000.000)
- Thù lao HĐQT, BKS 2009				(180.000.000)
Phân phối lợi nhuận năm 2010				
- Quỹ khen thưởng phúc lợi				(200.000.000)
- Thù lao HĐQT, BKS				(132.000.000)
Số dư đầu năm	31.230.000.000	18.993.082.835	3.122.999.999	13.961.333.608
Lãi trong kỳ				10.203.600.292
Phân phối lợi nhuận năm 2010				
- Trích các quỹ		4.494.633.575		(5.723.966.936)
- Chia cổ tức				(7.807.500.000)
- Thưởng ban quản lý				(285.866.672)
- Thù lao HĐQT, BKS				(144.000.000)
Số dư cuối kỳ	31.230.000.000	23.487.716.410	3.122.999.999	10.203.600.292

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2011 VND	%	01/01/2011 VND	%
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	18.738.000.000	60	18.738.000.000	60
Vốn góp của các đối tượng khác	12.492.000.000	40	12.492.000.000	40
Cộng	31.230.000.000	100	31.230.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	31.230.000.000	31.230.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	31.230.000.000	31.230.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.807.500.000	7.807.500.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.123.000	3.123.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.123.000	3.123.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.123.000	3.123.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.123.000	3.123.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.123.000	3.123.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng / cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu bán hàng	143.811.614.408	155.119.516.309
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.986.585.990	881.303.769
Cộng	145.798.200.398	156.000.820.078

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	120.243.391.770	135.143.879.411
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	456.363.222	-
Cộng	120.699.754.992	135.143.879.411

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.451.822.119	793.144.423
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	900.000.000
Cộng	1.451.822.119	1.693.144.423

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.604.800.389	11.300.332.456
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	(900.000.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	900.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	900.000.000
Tổng lợi nhuận tính thuế	13.604.800.389	10.400.332.456
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.401.200.097	2.600.083.114

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.203.600.292	8.700.249.342
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.203.600.292	8.700.249.342
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.123.000	3.123.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.267	2.786

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.103.317.801	1.204.741.899
Chi phí nhân công	2.863.061.998	2.299.836.019
Chi phí công cụ dụng cụ	3.339.569.252	4.394.547.470
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.831.135.383	1.292.743.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.720.173.483	1.894.260.605
Chi phí bằng tiền khác	622.659.713	1.235.770.336
Cộng	13.479.917.630	12.321.899.907

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ	Mua hàng	107.777.735.000
		Bán hàng	12.445.447
		Trả cổ tức	4.684.500.000
		Tài Trợ bằng tiền	72.727.272
Công ty CP TM Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	Công ty liên kết	Mua hàng	12.104.066.400
		Thuê tài sản	234.000.000
		Bán hàng	5.957.132.526

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đến 30/06/2011, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu, phải trả (VND)
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ	Ứng trước mua bia	513.516.500
Công ty CP TM Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	Công ty liên kết	Bán hàng	392.881.658
		Mua hàng	(141.182.190)

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán và Báo cáo tài chính từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 của Công ty.

Kế toán trưởng**Giám đốc**

Mai Phương Liên

Nguyễn Văn Hùng

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2011